

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 152/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thủy lợi

thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC được công bố tại Quyết định này để tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định, hoàn thành **trước ngày 20 tháng 3 năm 2026**.

b) Đăng tải công khai đầy đủ Danh mục, nội dung của từng TTHC trên Trang thông tin điện tử thành phần của Sở và niêm yết công khai tại cơ quan.

c) Tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định pháp luật và nội dung công bố tại Quyết định này.

d) Thực hiện đăng nhập các TTHC được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này cập nhật, đồng bộ nội dung TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ Danh mục và nội dung cụ thể của TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định; đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật và nội dung công bố tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Sửa đổi, bổ sung nội dung tương ứng Danh mục TTHC trong lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại các Quyết định số: 665/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 và 1121/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC (*Bộ Tư pháp*);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, NNMT;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC_(HTD).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Tâm Hiền

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC THỦY LỢI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Công bố kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (13 TTHC)
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (01 TTHC)

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.014847	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 54 đường Hùng Vương, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi; điểm tiếp nhận hồ sơ thứ 02 tại số 492 Trần Phú, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn .	Không	Điều 13 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

**II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU (12 TTHC)**

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.014848	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	18 ngày làm việc	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thông qua các cách thức sau:	Không	Điều 14 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
2	1.014849	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	13 ngày làm việc	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 1, 2, 8 Điều 15; Điều 19; Điều 20; khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	08 ngày làm việc		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 4 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 19, Điều 20; khoản 2 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
4	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch Ủy ban	08 ngày làm việc		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 1, 2, 8 Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 19; Điều 20; Khoản 2 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã				
5	1.014852	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	08 ngày làm việc		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 4 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 19, Điều 20, khoản 2 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
6	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ	05 ngày làm việc		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 6, 7 Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 19; Điều 23; khoản 2 Điều 24; Điều 25, Nghị

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã				định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
7	1.014854	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	02 ngày làm việc		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 1, 3, 4 Điều 26 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
8	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm	05 ngày làm việc		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 5 Điều 15, điểm a

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã				khoản 1 Điều 19, Điều 20, khoản 2 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
9	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	05 ngày làm việc		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 19, Điều 20, khoản 2 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
10	1.014862	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho	08 ngày làm việc		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 6 Điều 15, điểm a

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã				khoản 1 Điều 19, Điều 20, khoản 2 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
11	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	05 ngày làm việc		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 4 Điều 15, khoản 02 Điều 24, Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
12	1.014864	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội	02 ngày làm việc		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 4, 6 Điều 15; khoản 2

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã				Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (23 TTHC)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (17 TTHC)

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	1.004427.000.00.00.H48	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 54 đường Hùng Vương, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi; điểm tiếp nhận hồ sơ thứ 02 tại	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 1, 2, 8 Điều 15, Điều 19, Điều 20, khoản 1 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, thời gian giải quyết.

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
2	2.001796.000.00.00.H48	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	số 492 Trần Phú, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn .	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 4 Điều 15, điểm a khoản 01 Điều 19, Điều 20, khoản 01 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, thời gian giải quyết.
3	2.001426.000.00.00.H48	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 1, 2, 8 Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 19, Điều 20, khoản 1 Điều 24, Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, thời gian giải quyết.
4	2.001795.000.	Cấp giấy phép nổ mìn và		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14	Sửa đổi, bổ

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	00.00.H48	các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 7 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 19, Điều 20, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, thời gian giải quyết.
5	1.003870.000.00.00.H48	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 7 Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 24, Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, thời gian giải quyết.
6	1.003893.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		- Khoản 1, 4 Điều 26 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	pháp luật quy định thủ tục hành chính.
7	2.001793.000.00.00.H48	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 5 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 19, Điều 20, khoản 01 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, thời gian giải quyết.
8	1.004385.000.00.00.H48	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 19, Điều 20, khoản 01 Điều 22,	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
				Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	hành chính, thời gian giải quyết.
9	2.001791.000.00.00.H48	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 19, Điều 20, khoản 1 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, thời gian giải quyết.
10	1.003880.000.00.00.H48	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 4 Điều 15, điểm b khoản 01 Điều 19, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, thời gian giải quyết.

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
11	2.001401.000.00.00.H48	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 4, 6 Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 19; khoản 01 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, thời gian giải quyết.
12	1.003867.000.00.00.H48	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Điều 7, khoản 02 Điều 9 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, tên thủ tục hành chính, thời gian giải quyết.

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
13	2.001804.000.00.00.H48	Phê duyệt phương án, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Điều 22, Điều 23 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, tên thủ tục hành chính, thời gian giải quyết.
14	1.003232.000.00.00.H48	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, tên thủ tục hành chính.
15	1.003221.000.00.00.H48	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, tên thủ tục hành chính.
16	1.003211.000.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai			Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	00.00.H48	cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			pháp lý, tên thủ tục hành chính.
17	1.003203.000.00.00.H48	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, tên thủ tục hành chính.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU (06 TTHC)

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	2.001627.H48	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu thông qua các cách thức sau:	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Điều 7, Điều 9 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính,

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			- Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính.	nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	tên thủ tục hành chính.
2	1.003446.H48	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn .	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
3	1.003440.H48	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
4	2.001621.H48	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp		Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện).			
5	1.003347.H48	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		Khoản 2 Điều 17, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
6	1.003471.H48	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (03 TTHC)

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung bãi bỏ
I	Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường		

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung bãi bỏ
1	1.003921.000.0 0.00.H48	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 33 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
2	1.003188.000.0 0.00.H48	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Điểm c khoản 3 Điều 33 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
II	Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu		
3	1.013768.H48	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Điểm b khoản 3 Điều 33 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.